

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày: 17-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Th

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Bích L

2. Ông Trần Ngọc Đ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo V–Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Tàn Đình Th– Kiểm sát viên.

(Tham gia tại điểm cầu trung tâm)

Ngày 17 tháng 04 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận và điểm cầu thành phần tại nhà tạm giữ Công an huyện BB, xét xử trực tuyến sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLST-HS, ngày 24 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D (Tên gọi khác: Cu), sinh ngày 20/8/1999 tại tỉnh B Th; nơi cư trú: Thôn Thái H, xã Hồng Th, huyện BB, tỉnh BTh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978 và bà Lê Thị H, sinh năm 1980; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đến ngày 20/12/2022 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã tạm giam đến nay, có mặt *(Tham gia tại điểm cầu thành phần)*.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thành C, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

2. Võ Thị Ngọc Tr, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố N, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BTh.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Ch, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Xuân G 1, thị trấn C, huyện Ph, tỉnh BTh.

(Tham gia tại điểm cầu trung tâm)

-*Những người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:*

Đại diện Tòa án nhân dân huyện BB: Ông Bá Văn Nh-Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB: Ông Huỳnh Thanh Ph -
Kiểm sát viên

Đại diện nhà tạm giữ Công an huyện BB

1. Ông Nguyễn Trường V

2. Ông Trần Phan Đông L

3. Ông Võ Ngọc H

4. Ông Đặng Tuấn T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 12 giờ, ngày 27/8/2022, Nguyễn Văn D đi từ nhà tại thôn Thái H, xã Hồng Th đón xe buýt lên thị trấn S vào chợ mua đồ ăn. Đến khoảng 15 giờ bị cáo đi bộ ra nhìn thấy nhà vợ chồng ông Nguyễn Thành C, Võ Thị Ngọc Tr có dựng chiếc xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade biển số 86B2-199... trong sân nhà, có cắm sẵn chìa khóa, sân nhà không có người. Nguyễn Văn D lén vào sân dắt xe ra khỏi cổng nổ máy điều khiển về nhà tại thôn Thái H, xã Hồng Th cất giấu, tháo bỏ biển số, đến khoảng 18 giờ cùng ngày bị cáo Nguyễn Văn D điện thoại cho Nguyễn Ch (Phong) ở thị trấn C, huyện Ph hỏi có xe lắp ráp có mua không. Hai bên thỏa thuận chụp ảnh xe gửi zalo cho Nguyễn Ch xem và thỏa thuận giá 5.000.000 đồng và hẹn giao dịch mua bán tại hẻm đường gần quán Tám C, xã Hòa M, huyện Ph. Sau khi trong nhà ra Võ Thị Ngọc Tr phát hiện mất xe đã báo công an thị trấn S. Qua xác minh nghi vấn Nguyễn Văn D nên triệu tập D lấy lời khai, Nguyễn Văn D thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 86B2-199.. của vợ chồng ông Nguyễn Thành C, Võ Thị Ngọc Tr và D liên hệ Nguyễn Ch lấy lại xe giao trả cho bà Võ Thị Ngọc Tr. Công an thị trấn S chuyển hồ sơ công an huyện BB xử lý.

- Kết luận định giá tài sản số 61/2022/HĐĐG-TTHS ngày 28/9/2022 kết luận 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, biển số 86B2-199... màu xám đen bạc trị giá 16.800.000 (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn*) đồng.

Tang, vật chứng:

01 chiếc xe mô tô biển số 86B2-199.98 đã thu giữ sau định giá, trả lại cho bị hại Nguyễn Thành C và Võ Thị Ngọc Tr.

01 chiếc điện thoại di động hiệu VSmart màu đen của bị cáo Nguyễn Văn D đã chuyển vào kho Chi cục thi hành án dân sự huyện BB ngày 13/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Thị Ngọc Tr không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản.

Các vấn đề khác: Nguyễn Ch mua chiếc xe mô tô của Nguyễn Văn D không biết xe do D trộm cắp nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý Nguyễn Ch.

Cáo trạng số 31/CT – VKSBB, ngày 22/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện BB truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi phân tích tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn D và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù

Hình phạt bổ sung: Không;

Về xử lý tang vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị trả lại bị cáo Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động hiệu VSmart;

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]*Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện BB Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BB trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại Nguyễn Thành C và Võ Thị Ngọc Tr và người làm chứng Nguyễn Ch nhưng Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015(BLTTHS).

[2]*Về cấu thành tội phạm:* Bị cáo Nguyễn Văn D đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại Võ Thị Ngọc Tr, Nguyễn Thành C (Bút lục 54-58), người làm chứng Nguyễn Ch (Bút lục 77-78), Kết luận định giá số 61/2022/HĐĐG-TTHS ngày 28/9/2022 (BL 87); kết luận điều tra số 19/KLĐT ngày 08/02/2023 (BL 97) và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn D đã thực hiện hành vi lén lút vào sân nhà của gia đình ông Nguyễn Thành C, Võ Thị Ngọc Tr vào khoảng 15 giờ ngày 27/8/2022 lấy 01 chiếc xe mô tô biển số 86B2-199..., trị giá 16.800.000 đồng để bán lấy tiền tiêu xài, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi tội phạm của bị cáo:* Lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản là xe mô tô không người trông coi vào lúc trưa vắng nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của vợ chồng bà Võ Thị Ngọc Tr để bán lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Bị cáo nhận thức được tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ nhưng do bị cáo tham lam, lười lao động, bị cáo muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm bị cáo gây ra tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương và làm cho người dân không an tâm lao động sản xuất. Mặc dù, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bản thân bị cáo từ địa phương này đi xe buýt đến địa phương khác tìm tài sản trộm là hành vi cố ý chiếm đoạt tài sản người khác bán lấy tiền tiêu xài có tính toán, có chủ đích. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bị phát hiện bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, phải bắt theo lệnh truy nã chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật nên Hội đồng xét xử cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng răn đe phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương hiện nay.

[4] *Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[4.1] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Nguyễn Văn D thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được bị cáo tự nguyện khắc phục và trả lại cho bị hại, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng bị cáo hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 và Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng*:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 86B2-199.98 sau định giá, cơ quan điều tra đã trả lại bị hại nên không xem xét.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu VSmart màu đen của bị cáo Nguyễn Văn Dương không dùng vào việc trộm cắp tài sản nên giao trả lại bị cáo là phù hợp quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo không tranh luận gì thêm thống nhất luận tội của đại diện Viện kiểm sát xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTVQH 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] *Về quyền kháng cáo Bản án*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

- Khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Dương 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 12 năm 2022.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D 01 chiếc điện thoại di động hiệu VSmart màu đen (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Bắc Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện BB ngày 13/3/2023*).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17-4-2023). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B Th
- VKSND huyện BB
- Công an huyện BB
- Chi cục THADS huyện BB
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu Hồ sơ vụ án; V.P

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thanh Th